Tên: ……..

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ …., ngày …./….

Week: 15 - GVNN

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……..

Nghe HW: ……..

UNITS 3–4: THE DESERT & LOOK AGAIN!
GRAMMAR & VOCABULARY REVISION

A. THEORY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để học và làm bài tập từ vựng Unit 3-4 nhé:
https://quizlet.com/user/StarLink_English/folders/s3_for_w15_unit-34?i=6qfpv3&x=1xqt

Vocabulary *(Từ vựng)*	**Grammar** *(Ngữ pháp)*
• UNIT 3 – THE DESERT ✓ **Sand and stone:** oasis, waterhole, shore, kindness, hurt, cool off, carve, wise, glad, stupid, argue, yell, blow away. ✓ **Desert landscape:** cactus, sand, rock. ✓ **Opposites:** hot, cold, kind, unkind, dry, wet, loudly, quietly, slowly, quickly. ✓ **Desert animals:** camel, monster, gecko, lizard, reptile, thorny devil, Gila monster, frog-eyed gecko, sidewinding adder. ✓ **Animal body parts:** spikes, scales, hump. ✓ **Animal survival:** venom, poison, predator, threaten, bite, lick, puff up. **• UNIT 4 – LOOK AGAIN!** ✓ **Shapes:** square, circle, triangle, rectangle, cube, shape, straight, side, corner. ✓ **Optical illusions:** optical illusion, top, bottom, dot, back-to-back, twirl. ✓ **Appearance:** moustache, glasses, beard. ✓ **Animal camouflage:** camouflage, pinto, blotch, pattern, stripes, antennae, fur, meal, bark, hide, creep, blend, hard. ✓ **Experiments:** finger, fingertips, eyes, brain, right-handed, left-handed, confused. ✓ **Negative adjectives:** impossible, impatient, impolite, unhappy, untidy. ✓ **Frequency:** always, almost always, usually, often, sometimes, never.	✓ **Object Pronouns: me, you, him, her, it, us, them** - *Mum loves* ***me****.* - *I like* ***you****.* - *Tom has a ball. Look at* ***him****!* - *I have a cat. I love* ***it****.* - *Dad is taking* ***us*** *to the park.* - *Look at the monkeys! I can see* ***them****.* ✓ **be from + place; because + clause; but** - *I* ***am from*** *Viet Nam.* - *He wears a jacket* ***because it is cold****.* - *I want to play outside,* ***but it is raining****.* ✓ **Prefixes: im-/un-** - *happy → unhappy* - *polite → impolite* ✓ **like + -ing; and/or** - *I like swimming.* - *I like cats and dogs.* - *I don't like milk or juice.*

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (20 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở bảng EXTRA VOCABULARY (trang 3) mỗi từ một dòng vào vở. Và con truy cập link hoặc quét mã QR để học và làm bài tập từ vựng Unit 3-4 nhé:

https://quizlet.com/user/StarLink_English/folders/s3_for_w15_unit-34?i=6qfpv3&x=1xqt

II. Circle the correct answer A, B or C. *(Khoanh đáp án đúng.)*

0. My sister and I visit Grandma. She hugs ..... .
   A. we B. us C. our

1. I like ..... shapes and colouring pictures.
   A. draw B. drawing C. draws

2. This is my brother. I play football with ..... every day.
   A. her B. them C. him

3. Hana and Ken ..... from Japan.
   A. is B. are C. am

4. I like riding my bike ..... it is fun.
   A. because B. but C. or

5. Ben pushes his friend. He is ..... .
   A. kind B. imkind C. unkind

6. Look at these cute shapes! I like ..... very much.
   A. it B. them C. him

7. Linh doesn't eat apples ..... bananas. She dislikes both fruits.
   A. or B. but C. because

8. Anna helps me with my homework. I say "Thank you" to .....
   A. her B. him C. it

9. Don't shout in class. It is .....
   A. unpolite B. polite C. impolite

10. The two lines look different, ... they are the same length.
    A. but B. because C. or

III. Read the underlined part in each sentence. Circle YES if the sentence is right. Circle NO if it is wrong and write the correct word on the line. *(Đọc phần được gạch chân trong mỗi câu. Khoanh YES nếu câu đúng. Khoanh NO nếu câu sai và viết từ đúng vào chỗ trống.)*

0. My sister likes **sing** songs. YES (NO) → singing

1. Mr. Brown **is** from England. YES NO → _____

2. Please help **I** with my bag. YES NO → _____

3. Nam can't find his kite. He is **unhappy**. YES NO → _____

LIVEWORKSHEETS

4. Sam doesn't like carrots **but** onions. YES NO → _____

5. The bag looks small, **because** it is very heavy. YES NO → _____

IV. Unscramble the given words to make a correct sentence.

(Sắp xếp các từ cho sẵn thành câu đúng.)

0. a pen / and / Ann / has / a ruler.

→ Ann has a pen and a ruler.

1. cooking / likes / noodles. / My dad

→ _____

2. I have / it / every day. / wear / I / a new hat.

→ _____

3. Huy / fish / or / eggs. / doesn't eat

→ _____

4. I / because / the window / open / it is / hot.

→ _____

5. he / can sing, / but / can't / dance. / Peter

→ _____

LISTENING PRACTICE (10 questions)

I. EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/bWsQIH50OBY2632GK5

No.	Words	Meanings	Pictures
1	favourite (adj)	yêu thích	
2	milkshake (n)	sữa lắc	
3	pancake (n)	bánh kếp	

No.	Words	Meanings	Pictures
4	noodles (n)	mì	
5	chopsticks (n)	đũa	
6	cousin (n)	anh/chị/em họ	

**Note:* *n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ.*

LIVEWORKSHEETS

II. Zoe is telling her grandfather about people she knows and their favourite food. What food do these people like best?
Listen and write a letter in each box. There is one example.

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:
https://on.soundcloud.com/byA9osyN0QB1eAbaTw



her dad B



her grandmother ☐



her sister ☐



her brother ☐



her cousin ☐



her best friend ☐

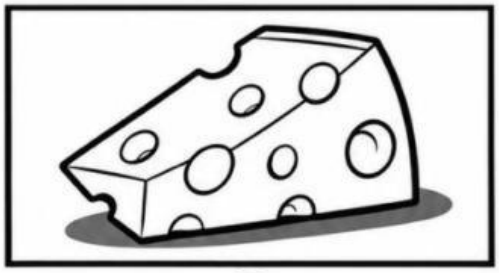
LIVEWORKSHEETS



A



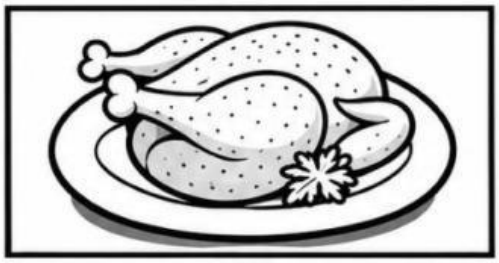
B



C



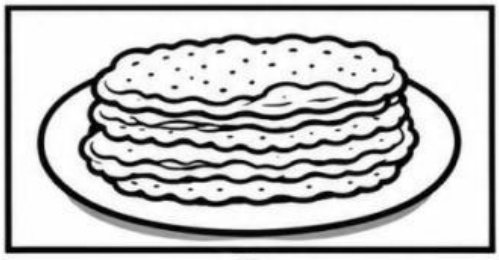
D



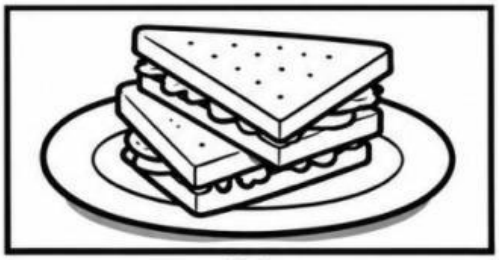
E



F



G



H

LIVEWORKSHEETS

III. Listen again. Circle the correct answer A, B or C.

1. Where does Zoe's family go for a picnic?

   A. to the zoo B. to the beach C. to the park

2. What did Zoe and Charlie watch yesterday?

   A. a film about a dog

   B. a film about a farm

   C. a film about a pop star

3. What is Zoe's brother always doing?

   A. eating B. sleeping C. reading

4. Zoe's little sister always wants _____ to give her cheese.

   A. Mum B. Zoe C. Grandpa

5. Where was Zoe's party last year?

   A. at home B. at the beach C. in the park

LIVEWORKSHEETS